

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2026/HC-PT

Ngày 07 tháng 01 năm 2026

V/v: “Yêu cầu hủy quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai
và quyết định giải quyết khiếu nại”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Xuân

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

Ông Trần Văn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa
án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ
Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn N - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ
lý số 175/2025/TLPT-HC ngày 06/10/2025 về việc: “Yêu cầu hủy quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2025/HC-ST ngày 27/6/2025 của Tòa
án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2082/2025/QĐPT-HC
ngày 24 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 175A/2025/QĐ-HPT
ngày 10/12/2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông **Đinh Văn D**, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp C, xã B,
huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai), vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Sỹ T, sinh năm 1996; Bà Trần Thị
N1, sinh năm 1981; Ông Nguyễn Tiến M, sinh năm 1982. Địa chỉ: B, đường T,

phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Số B, đường T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); (ông T có mặt, bà N1 và ông M vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Hữu B và ông Lê Thanh H - Công ty L1. Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà H, D N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tầng A, Tòa nhà H, D N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); (ông B và ông H có mặt).

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện L và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng: UBND xã C, tỉnh Đồng Nai và Chủ tịch UBND xã C, tỉnh Đồng Nai. Địa chỉ: Tổ G, ấp C, xã X, tỉnh Đồng Nai, (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Khắc C, sinh năm 1969, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);
2. Ông Đinh Xuân D1, sinh năm 1992, (vắng mặt);
3. Ông Đinh Văn D2, sinh năm 1994, (vắng mặt);
4. Ông Đinh Văn D3, sinh năm 1999, (có mặt);
5. Bà Trương Thị Thu H1, sinh năm 1995, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);
6. Cháu Đinh Nhật Q, sinh năm 2014;
7. Cháu Đinh Ngọc U, sinh năm 2018;
8. Cháu Đinh Hải M1, sinh năm 2022;
9. Cháu Đinh Thị Quỳnh N2, sinh năm 2010 (do ông D và bà C là đại diện).

Người đại diện của các cháu Q, U, M1: Ông Đinh Văn D2 và bà Trương Thị Thu H1. Cùng địa chỉ: ấp C, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai).

- *Người kháng cáo:*

1. Ông Đinh Văn D là người khởi kiện.
2. Ông Đinh Văn D3, bà Nguyễn Thị Khắc C, bà Trương Thị H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Người khởi kiện ông Đinh Văn D do ông Hồ Sỹ T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 21/3/2023, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện L, tỉnh

Đồng Nai ban hành Quyết định số 2649/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Đinh Văn D để thực hiện Dự án Cảng hàng không Quốc tế L2 (sau đây viết tắt là Dự án) (lần 31). Tại Quyết định này, UBND huyện L đã ban hành quyết định thu hồi 6.256,5m² đất của gia đình ông D đang quản lý và sử dụng thuộc các thửa đất số 165, 167, 234 tờ bản đồ số 41; Loại đất ONT+BHK+LUK, tại xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Cùng ngày 21/3/2023, UBND huyện L cũng ban hành Quyết định số 2575/QĐ-UBND về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ (sau đây viết tắt là Quyết định số 2575/QĐ-UBND) cho hộ ông (bà) Đinh Văn D để thực hiện Dự án (lần 31).

Tại Quyết định số 2575/QĐ-UBND, UBND huyện L phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông D tổng số tiền là 3.735.572.310 đồng. Ông D không đồng ý với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông D bởi những lý do sau:

1. UBND huyện L xác định vị trí đất để tính toán giá trị bồi thường không đúng thực tế và trái với quy định của pháp luật.

Căn cứ vào “Giấy xác định vị trí” của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh L3 ngày 13/5/2022 thì thửa đất số 234, 165 và 167, tờ bản đồ số 41 xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai đều thuộc vị trí 4 đường Hương Lộ 10 (đoạn qua xã C từ giáp ranh xã S (cũ) đến giáp ranh giới huyện C). Căn cứ để Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh L3 xác định các thửa đất nêu trên thuộc vị trí 4 là khoảng cách từ thửa đất đến đường giao thông chính lớn hơn 200m và nhỏ hơn hoặc bằng 500m; Bề rộng Hẻm với đường đất nhỏ hơn 3m.

Căn cứ vào “Giấy xác định vị trí” của Văn phòng đăng ký Đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh L3 thì Trung tâm Phát triển quỹ đất trực thuộc UBND huyện L đã ban hành Bảng tính toán giá trị bồi thường vào năm 2023 đã áp giá các thửa đất của gia đình ông D thuộc vị trí 4 để làm đơn giá tính bồi thường.

Tuy nhiên, trên thực tế thì từ đường Hương lộ 10 đi vào các thửa đất của gia đình ông D là đường đất dân sinh, lưu thông của người dân địa phương từ năm 1986 đến nay. Hiện trạng đường đất có bề rộng lớn hơn 3m, hai bên đường có trồng hàng cây keo và đâm bụi để đánh dấu mốc đường. Khoảng cách từ vị trí khu đất của gia đình ông D đến đường Hương lộ 10 chỉ khoảng từ 200m đến dưới 500m. Cụ thể hiện trạng từng thửa đất như sau:

- Thửa đất số 234 và 167 cùng tờ bản đồ số 41 tiếp giáp với đường đất có bề rộng lớn hơn 3m, khoảng cách từ thửa đất đến đường giao thông chính (đường Hương lộ 10 đoạn qua xã C – từ giáp ranh xã S (cũ) đến giáp ranh giới huyện C) khoảng từ 200m đến dưới 350m.

- Thửa đất số 165, tờ bản đồ số 41 có tứ cận tiếp giáp với các thửa đất liền kề (không tiếp giáp với lối đi).

Căn cứ khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7 Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định về Bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020 – 2024 quy định:

Vị trí 2 của đất phi nông nghiệp và đất nông nghiệp như sau: “*Các thửa đất mặt tiền hẻm có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông chính $\leq 500m$* ”;

Vị trí 4 của đất phi nông nghiệp và đất nông nghiệp như sau: “*Các thửa đất còn lại tại nông thôn*”.

Do đó, thửa đất số 234 và 167, cùng tờ bản đồ số 41 của gia đình ông D phải thuộc vị trí 2, còn thửa số 165 tờ bản đồ số 41 mới thuộc vị trí 4.

Như vậy, Quyết định số 2575/QĐ-UBND đã xác định vị trí đất và tính toán giá trị bồi thường không đúng thực tế và trái với quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông D.

2. UBND huyện L tính toán giá trị bồi thường đối với vật kiến trúc chưa đầy đủ theo thực tế, cụ thể là:

Vật kiến trúc của gia đình ông D là mái hiên có diện tích $142,45m^2$ được xây dựng, tạo lập vào năm 1999 và tu sửa lại vào năm 2007 với chi phí khoảng 70.000.000 đồng.

Tại “*Biên bản kiểm đếm về đất đai, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất*”, ngày 06/8/2020 do đoàn liên ngành lập, có nêu:

- Tại Mục II. Về nhà ở, vật kiến trúc và tài sản khác có ghi: “*Hiên (5,3x4,3) + (6,3x6,2) + (6,5x12,4) = 142,45*”;

- Tại mục IV. Ý kiến của người có đất bị thu hồi, người có tài sản bị thu hồi thì ông D đã xác nhận: “*Vật kiến trúc, nhà được xây dựng năm 1999. Đồng ý với số lượng kiểm kê*”.

Trước khi các thành phần tham gia kiểm đếm ký tên dưới Biên bản kiểm đếm và UBND xã B xác nhận có ghi: “*Các thành phần tham gia kiểm đếm thống nhất nội dung như trên và cùng ký tên*”.

Như vậy, vật kiến trúc là $142,45m^2$ mái hiên đều đã được các thành phần tham gia kiểm đếm và UBND xã B thống nhất và xác nhận về sự tồn tại trong thực tế để làm căn cứ thu hồi và tính toán giá trị bồi thường.

Tuy nhiên, tại mục II.11 Bảng tính toán giá trị bồi thường năm 2023 (không đề ngày tháng) của Trung tâm Phát triển Quỹ đất trực thuộc UBND huyện L xác định vật kiến trúc là mái hiên được xây dựng, tạo lập năm 2020 và không tính giá trị bồi thường cho gia đình ông D.

Tại Quyết định số 2575/QĐ-UBND, UBND huyện L đã dựa vào Bảng tính toán giá trị bồi thường nên không tính giá trị đối với vật kiến trúc là mái hiên cho

gia đình ông D. Điều này là trái với quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông D.

3. UBND huyện L xác định số lượng nhân khẩu để hỗ trợ ổn định đời sống 36 tháng do thu hồi đất nông nghiệp trên 70% phải di chuyển chỗ ở không đúng số lượng nhân khẩu thực tế của gia đình ông D.

Căn cứ “*Giấy xác nhận nhân khẩu số 7197*”, ngày 22/11/2022 của UBND xã B thì gia đình ông D có 10 nhân khẩu, bao gồm: Ông Đinh Văn D (chủ hộ), bà Nguyễn Thị Khắc C (vợ ông D), ông Đinh Xuân D1, Đinh Xuân D4, Đinh Văn D3, Đinh Thị Quỳnh N2 là các con của ông D, bà C, cháu Đinh Nhật Q, Đinh Ngọc U, Đinh Hải M1 là cháu nội của ông D, bà Trương Thị Thu H1 là con dâu của ông D.

Tuy nhiên, tại mục V.1 Bảng tính toán giá trị bồi thường năm 2023 (không đề ngày tháng) của Trung tâm Phát triển Quỹ đất trực thuộc UBND huyện L xác định số lượng nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống 36 tháng do thu hồi đất nông nghiệp trên 70% phải di chuyển chỗ ở chỉ có 6 nhân khẩu, còn lại 04 nhân khẩu gồm: Đinh Xuân D1, Đinh Văn D3, Trương Thị Thu H1 và Đinh Hải M1 không được hỗ trợ.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (được sửa đổi tại khoản 5 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP) quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất quy định đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất gồm: “*Nhân khẩu nông nghiệp trong hộ gia đình quy định tại điểm a khoản này nhưng phát sinh sau thời điểm giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình đó*”. Như vậy, đối với trường hợp của bà Trương Thị Thu H1 là nhân khẩu nông nghiệp phát sinh sau thời điểm giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình. Do đó, trường hợp này thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, trường hợp của Đinh Văn D3, sinh năm 1999 là thành viên của hộ gia đình thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất nhưng tại Quyết định số 2575/QĐ-UBND, ông D3 cũng không nằm trong danh sách nhân khẩu được hỗ trợ.

Với việc hỗ trợ ổn định đời sống 36 tháng do thu hồi đất nông nghiệp trên 70% phải di chuyển chỗ ở không đúng số lượng nhân khẩu đủ điều kiện đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông D.

Không đồng ý với các nội dung đã phân tích ở trên đối với Quyết định số 2575/QĐ-UBND để thực hiện Dự án (lần 31) của UBND huyện L nên ngày 05/6/2023, ông D đã làm Đơn khiếu nại gửi lên Chủ tịch UBND huyện L để đề nghị xem xét giải quyết các vấn đề sau:

- Yêu cầu UBND huyện xem xét tính giá trị bồi thường đối với vật kiến trúc

là 142,45m² mái hiên được xây dựng, tạo lập vào năm 1999 và tu sửa vào năm 2007;

- Việc áp vị trí 4 để tính giá bồi thường đối với các thửa đất của gia đình ông D là không đúng mà phải là vị trí 2;

- Nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống 36 tháng do thu hồi đất nông nghiệp trên 70% phải di chuyển chỗ ở đối với gia đình ông D phải là 09 nhân khẩu.

Ngày 29/12/2023, ông D đã ký nhận Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 9706/QĐ-UBND (*sau đây viết tắt là Quyết định số 9706/QĐ-UBND*) của Chủ tịch UBND huyện L đề ngày 06/11/2023; Chủ tịch UBND huyện L Quyết định giải quyết khiếu nại như sau:

- Chủ tịch UBND huyện L không ghi nhận và không giải quyết nội dung khiếu nại của ông D đối với vật kiến trúc là 142,45m² mái hiên; giữ nguyên quan điểm bồi thường giá trị đất bị thu hồi thuộc vị trí 4 cho gia đình ông D; chỉ giải quyết chấp nhận thêm 01 trường hợp được hỗ trợ là ông Đinh Văn D3, còn lại 03 trường hợp ông Đinh Xuân D1, bà Trương Thị Thu H1 và cháu Đinh Hải M1 không đủ điều kiện để được hỗ trợ.

Nhận thấy, Quyết định số 9706/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện L ban hành vẫn không phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi hợp pháp của gia đình ông D.

Vì những lý do đã nêu, kính mong Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xem xét chấp thuận yêu cầu khởi kiện của tôi với những yêu cầu cụ thể sau:

- Hủy Quyết định số 2575/QĐ-UBND của UBND huyện L về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Đinh Văn D để thực hiện dự án Cảng hàng không Quốc tế L (lần 31).

- Hủy Quyết định số 9706/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại của ông Đinh Văn D (lần đầu).

** Quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND, Chủ tịch UBND huyện L trình bày:*

Về công tác thực hiện hồ sơ bồi thường cho hộ Đinh Văn D:

Ngày 28/12/2018, UBND huyện L ban hành Thông báo số 2229/TB-UBND, theo đó thu hồi phần diện tích đất 6.366m² do hộ ông (bà) Đinh Văn D, cư ngụ tại ấp C, xã B để thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L.

Thực hiện Thông báo thu hồi đất của UBND huyện, ngày 29/7/2020 Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện ban hành Thông báo số 3597/TB-TTPTQĐ về việc điều tra, khảo sát đo đạc kiểm đếm về đất đai, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ ông bà Đinh Văn D.

Ngày 06/8/2020, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan cùng ông Đinh Văn D tiến hành kiểm đếm thửa đất 743, 744, 234 tờ bản đồ số 1 (BĐDC) tương ứng thửa đất số 165, 167, 234 tờ bản đồ số 41 (BĐTH), tổng diện tích hiện trạng ông Đinh Văn D đang sử dụng 6.256,5m² (trong đó: gồm 300m² ONT và 5.956,6 m² LUK) thuộc Dự án, theo sự chỉ dẫn của ông Đinh Văn D tài sản trên đất gồm có: Công trình nhà, vật kiến trúc và cây trồng. Tại biên bản kiểm đếm ông D có ý kiến “*Đồng ý số lượng kiểm đếm*” và ký vào biên bản kiểm đếm.

Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện hoàn chỉnh hồ sơ bồi thường và chuyển hồ sơ đến UBND xã B để thực hiện xác nhận nguồn gốc đất và các xác nhận khác theo quy định. Đến ngày 12/5/2022, UBND xã B có Giấy xác nhận nguồn gốc đất số 3103 (mẫu số 2) theo đó xác nhận: “*Đất của ông Đinh Văn D được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 887470 ngày 30/11/1999*”.

- Thửa đất số 165/1665,9m² tờ bản đồ thu hồi số 41, diện tích thu 1665,9m² được đo từ thửa đất số 744/1511,0m² tờ bản đồ số 1 bản đồ cấp giấy. Diện tích chênh lệch tăng 154,9m² so với bản đồ cấp giấy là do việc đo đạc xác định ranh giới cấp giấy ban đầu trước đây không chính xác.

- Thửa đất số 167/871,6m² tờ bản đồ thu hồi số 41, diện tích thu hồi 871,6m² được đo từ thửa đất số 743/979,0m² tờ bản đồ số 1 bản đồ cấp giấy. Diện tích chênh lệch giảm 107,4m² so với bản đồ cấp giấy là do việc đo đạc xác định ranh giới cấp giấy ban đầu trước đây không chính xác.

- Thửa đất số 234/3719,0m² tờ bản đồ thu hồi số 41, diện tích thu hồi 3719,0m² được đo từ thửa đất số 996/3876,0m² tờ bản đồ số 1 bản đồ cấp giấy. Diện tích chênh lệch giảm 157,0m² so với bản đồ cấp giấy là do việc đo đạc xác định ranh giới cấp giấy ban đầu trước đây không chính xác.

Nhà, vật kiến trúc xây dựng năm 1999. Mái hiên tạo lập năm 2020 theo biên bản phát phiếu lấy ý kiến cộng đồng dân cư về việc xây dựng nhà ở và công trình trên đất thuộc Dự án của UBMTTQ Việt Nam xã B ngày 17/11/2020. Chủ sử dụng đất sử dụng ổn định, không lấn chiếm, không tranh chấp với các chủ sử dụng liền kề tại thời điểm xác nhận hồ sơ bồi thường. Nội dung xác nhận của UBND xã B đã được Phòng T1 và Phòng Quản lý đô thị thẩm tra.

Căn cứ các nội dung xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã B, đã được thẩm tra theo quy định và các đơn giá được UBND tỉnh quy định tại các Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 11/03/2019; Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 15/03/2019; Quyết định số 1213/QĐ-UBND, 1214/QĐ-UBND ngày 17/4/2020 của UBND tỉnh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện thực hiện việc áp giá, tính toán giá trị bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 09/02/2023, Trung tâm Phát triển quỹ đất ban hành Giấy mời số 381/GM-TTPTQĐ gửi đến ông Đinh Văn D về việc họp dân công khai phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ dự án Cảng hàng không Quốc tế L. Tại cuộc họp công khai ngày 11/02/2023, ông D có dự và ký nhận hồ sơ công khai.

Đến ngày 21/03/2023, UBND huyện ban hành Quyết định số 2649/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Đinh Văn D thu hồi 6.256,5m² thuộc tờ bản đồ số 41, thửa đất số 165, 167, 234 và Quyết định số 2575/QĐ-UBND về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Đinh Văn D. Theo đó, tổng số tiền được phê duyệt là 3.735.572.310 đồng (trong đó: bồi thường đất 1.509.870.000 đồng; nhà, vật kiến trúc 665.995.560 đồng; cây trồng 36.191.750 đồng; tài sản khác 81.685.000 đồng; hỗ trợ các loại 1.429.830.000 đồng; thưởng di dời 12.000.000 đồng).

Trung tâm Phát triển quỹ đất gửi Thông báo số 2330/TB-TTPTQĐ (lần 01) ngày 06/4/2023 và Thông báo số 2729/TB-TTPTQĐ (lần 2) ngày 18/4/2023 về việc nhận tiền, bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án (lần 31). Ông D đã ký nhận thông báo về (lần 01) và hồ sơ bồi thường. Tuy nhiên, không liên hệ nhận tiền bồi thường. Đến lần 2 không ký nhận thông báo và không liên hệ nhận tiền bồi thường.

Hiện nay số tiền bồi thường, hỗ trợ của ông Đinh Văn D đã được Trung tâm Phát triển quỹ đất chuyển tạm giữ vào tài khoản kho bạc nhà nước.

Như vậy, tại thời điểm lập hồ sơ bồi thường, thẩm định, phê duyệt UBND huyện L đã thực hiện đúng quy định.

Về nội dung giải quyết khiếu nại:

Ngày 05/6/2023, ông Đinh Văn D có đơn khiếu nại gửi UBND huyện nội dung khiếu nại Quyết định số 2575/QĐ-UBND của UBND huyện về việc bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông không đúng, cụ thể: Bồi thường đất vị trí 4 là không đúng phải là vị trí 2; Ông không đồng ý hỗ trợ ổn định đời sống 36 tháng do thu hồi đất nông nghiệp trên 70% cho 06 nhân khẩu là không đúng mà phải là 09 nhân khẩu.

Ngày 06/7/2023, UBND huyện L ban hành Quyết định số 6821/QĐ-UBND về việc giao Thanh tra huyện tiến hành xác minh làm rõ nội dung đơn khiếu nại của ông D khiếu nại Quyết định số 2575/QĐ-UBND của UBND huyện.

Ngày 14/9/2023, Thanh tra huyện ban hành Báo cáo số 404/BC-TTr về việc Báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại.

Ngày 06/11/2023, UBND huyện ban hành Quyết định số 9706/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Đinh Văn D (lần đầu); Theo đó, không công nhận nội dung ông Đinh Văn D với nội dung khiếu nại Quyết định số 2575/QĐ-

UBND ngày 21/3/2023 của UBND huyện về việc bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông không đúng, cụ thể: Bồi thường đất vị trí 4 là không đúng phải là vị trí 2. Công nhận một phần nội dung ông Đinh Văn D khiếu nại việc chính sách hỗ trợ ổn định đời sống 36 tháng do thu hồi đất nông nghiệp trên 70%, cụ thể bổ sung thêm 01 nhân khẩu đủ điều kiện, còn lại 02 nhân khẩu không đủ điều kiện hỗ trợ ổn định đời sống.

Đề nghị Tòa không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn D.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Khắc C, ông Đinh Xuân D1, ông Đinh Văn D, bà Trương Thị Thu H1, cháu Đinh Nhật Q, Đinh Ngọc U, Đinh Hải M1 do ông D4 và bà H1 đại diện, cháu Đinh Thị Quỳnh N2 do ông D và bà C đại diện trình bày: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn D. Đề nghị Tòa án tuyên:*

- Hủy Quyết định số 2575/QĐ-UBND của UBND huyện L về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Đinh Văn D để thực hiện Dự án (lần 31). Hủy Quyết định số 9706/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại của ông Đinh Văn D (lần đầu).

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2025/HC-ST ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, 32, 116, 157, 193, 194, 204, 348, 358 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Các Điều 54, 62, 63, khoản 2 Điều 66, khoản 1 Điều 67, điểm a khoản 1 Điều 76, khoản 2 Điều 105, 106 Luật Đất đai 2013; Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 14/05/2014 của Chính phủ; Điều 19, 20, 21 Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ; tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đ; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn D về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính gồm:

- *Quyết định số 2575/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND huyện L về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Đinh Văn D để thực hiện dự án Cảng hàng không Quốc tế L (lần 31).*

- *Quyết định số 9706/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại của ông Đinh Văn D (lần đầu).*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/7/2025 và ngày 15/7/2025, người khởi kiện là ông Đinh Văn D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đinh Văn D3, bà Nguyễn Thị Khắc C, bà Trương Thị Thu H1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D.

Tại cấp phúc thẩm, các đương sự giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông T là người đại diện theo ủy quyền của ông D cung cấp chứng cứ là: Vi bằng ngày 02/01/2026 của Văn phòng T2, Thành phố Hồ Chí Minh “*chứng kiến và ghi nhận sự việc quá trình ông Đinh Văn D và ông Đinh Văn D3 kiểm tra (đo đạc) xác định vị trí, hiện trạng phần lối đi chung hiện hữu dẫn vào các thửa đất số 165, 167 và 234...*”; Văn bản giải trình đề ngày 12/12/2025 của ông T kèm theo USB thể hiện quá trình đo đạc của Trung tâm K; Bản vẽ sơ đồ nhà đất do Công ty TNHH K1 và đo đạc bản đồ Bách Khoa do ông D tự thuê đo vẽ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ.

Luật sư Nguyễn Hữu B có ý kiến: Tòa án cấp sơ thẩm không căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự đã nộp và lời trình bày của các đương sự, lời trình bày của người làm chứng là xem xét một chiều, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không chính xác. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của các đương sự.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính, không có vi phạm.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự để đánh giá chứng cứ, bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ do đương sự đã nộp là tài liệu do các đơn vị tư nhân do đương sự tự thuê, không có xác nhận của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật nên không có cơ sở xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Đinh Văn D, Đinh Văn D3, bà Nguyễn Thị Khắc C, bà Trương Thị Thu H1 làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem

xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Người bị kiện đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Xét tính hợp pháp đối với Quyết định số 2575/QĐ-UBND của UBND huyện L (sau đây viết tắt là Quyết định số 2575):*

[2.1.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định:

Trên cơ sở Thông báo báo thu hồi đất của UBND huyện L về thu hồi diện tích đất 6.366m² của hộ ông Đinh Văn D để thực hiện Dự án Cảng hàng không quốc tế L. Ngày 29/7/2020, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện L đã ban hành Thông báo số 3597/TB-TTPTQĐ về việc điều tra, khảo sát đo đạc, kiểm đếm về đất đai, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ ông D. Ngày 06/8/2020, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan cùng ông Đinh Văn D tiến hành kiểm đếm các thửa đất bị ảnh hưởng bởi dự án theo sự chỉ dẫn của ông D. Sau đó, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện hoàn chỉnh hồ sơ bồi thường và chuyển hồ sơ đến UBND xã B để thực hiện xác nhận nguồn gốc đất và các xác nhận khác theo quy định.

Ngày 21/3/2023, UBND huyện ban hành Quyết định số 2649/QĐ-UBND về việc thu hồi đất diện tích 6.256,5m² thuộc tờ bản đồ số 41 thửa đất số 165, 167, 234 của hộ ông Đinh Văn D và Quyết định số 2575 về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Đinh Văn D.

Theo đó, việc UBND huyện L ban hành Quyết định số 2575 về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Đinh Văn D là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 14/05/2014 của Chính phủ.

[2.1.2] Về nội dung của quyết định:

Theo Quyết định số 2575 về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Đinh Văn D với tổng số tiền là 3.735.572.310 đồng; Trong đó: Bồi thường đất: 1.509.870.000đồng; Nhà, vật kiến trúc: 665.995.560đồng; Cây trồng: 36.191.750 đồng; tài sản khác: 81.685.000đồng; hỗ trợ các loại: 1.429.830.000đồng; thưởng di dời: 12.000.000đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông D cho rằng thửa đất 234 và 167 của ông thuộc vị trí 2 nhưng Quyết định số 2575 tính toán bồi thường theo vị trí 4 là không đúng thực tế; Về vật kiến trúc là 142,45m² mái hiên được xây dựng, tạo lập vào năm 1999 và tu sửa vào năm 2007 nhưng không được xem xét bồi thường; Về nhân khẩu gia đình ông có 09 nhân khẩu nhưng chỉ có 06 nhân khẩu được xem xét “*hỗ trợ ổn định đời sống 36 tháng do thu hồi đất nông nghiệp trên 70% phải di chuyển chỗ ở*” còn lại 03 nhân khẩu không được xem xét hỗ trợ.

** Về xác định vị trí đất thu hồi gồm các thửa 167, 234 tờ bản đồ số 4:*

Ngày 21/3/2025, Văn phòng Đ - Chi nhánh L3 ban hành Văn bản số 298/VPĐKLT-TTLT về việc phúc đáp nội dung Văn bản số 198/TTPTQĐ.CHK ngày 17/3/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện L, thể hiện nội dung: ...căn cứ Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đ ban hành Quy định về bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020-2024 cụ thể tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7 phân vị trí đất nông nghiệp tại nông thôn, gồm có 4 cấp vị trí;

- Vị trí 2, bao gồm các trường hợp sau:

+ Các thửa đất mặt tiền hẻm có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông chính $\leq 1.000\text{m}$.

+ Các thửa đất mặt tiền hẻm có bề rộng từ $> 3\text{m}$ đến 1.000m .

+ Các thửa đất mặt tiền hẻm có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông chính từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$.

+ Các thửa đất mặt tiền hẻm có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông chính $\leq 200\text{m}$.

- Vị trí 4: Các thửa đất còn lại tại nông thôn.

Thửa đất không thuộc các trường hợp tham chiếu trong bảng trên (trừ các thửa đất thuộc vị trí 1) thì được xác định ở vị trí 4 tính theo đường gần nhất và có mức giá cao nhất đến thửa đất cần định giá.

Tại khoản 5 Điều 12 Quyết định 49/2019/QĐ-UBND quy định: Đối với những thửa đất mặt tiền hẻm có bề rộng khác nhau (chỗ rộng, chỗ hẹp) thì *áp dụng theo chỗ hẹp nhất tính từ đường phố* (hoặc đường giao thông chính) vào đến thửa đất cần xác định giá.

Căn cứ bản đồ địa chính khu đất phạm vi thu hồi đất số 2151/2019, tỷ lệ 1/2000 công trình Cảng hàng không Quốc tế L2 do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh K đo vẽ xác nhận ngày 05/11/2019 và được C1 kiểm tra ngày 10/12/2019 thể hiện: Thửa đất 234, 167 tờ bản đồ 41 xã B của ông Đinh Văn D cách đường giao thông chính (đường Hương lộ 10 đoạn qua xã C (từ giáp ranh xã S

(cũ) đến giáp ranh giới huyện C) trong khoảng từ 200m đến 500m; trong đó thửa 234 cách khoảng 219m; thửa 167 cách khoảng 327m. Thửa đất 234, 167 tiếp giáp đường hẻm có bề rộng nhỏ hơn 3m.

Qua đối chiếu khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7 và khoản 5 Điều 12 Quyết định 49/2019/QĐ-UBND ngày 13/5/2022 Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh L3 xác định vị trí thửa đất 234, 167 tờ bản đồ 41 xã B của ông D có vị trí 4 đường Hương lộ 10 đoạn qua xã C (từ giáp ranh xã S (cũ) đến giáp ranh giới huyện C), trường hợp khoảng cách từ 200m đến 500m, bề rộng hẻm nhỏ hơn 3m.

Như vậy, không có cơ sở xác định thửa đất 167 và 234 của hộ ông D thuộc vị trí 2 như phía ông D trình bày. Do đó, Quyết định số 2575 phê duyệt bồi thường đối với thửa đất số 234, 167 theo vị trí 4 là đúng quy định của pháp luật.

** Về tính giá trị bồi thường đối với vật kiến trúc là 142,45m² mái hiên được xây dựng, tạo lập vào năm 1999 và tu sửa vào năm 2007 cho gia đình ông D.*

Tại “Biên bản kiểm đếm về đất đai, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất”, ngày 06/8/2020 do Đoàn liên ngành lập, có nội dung:

- Tại Mục II. Về nhà ở, vật kiến trúc và tài sản khác có ghi: “Hiên (5,3 x 4,3) + (6,3 x 6,2) + (6,5 x 12,4) = 142,45”;

- Tại mục IV ghi ý kiến của người có đất bị thu hồi, người có tài sản bị thu hồi thì tôi (ông D) đã xác nhận: “*vật kiến trúc, nhà xây dựng năm 1999. Đồng ý với số lượng kiểm kê*”. Để thống nhất quá trình xem xét bồi thường, ngày 12/5/2022, UBND xã B có Giấy xác nhận nguồn gốc đất số 3103 (mẫu số 2) theo đó xác nhận: Nhà, vật kiến trúc xây dựng năm 1999; mái hiên tạo lập năm 2020 theo biên bản phát phiếu lấy ý kiến cộng đồng dân cư về việc xây dựng nhà ở và công trình trên đất thuộc Dự án Cảng hàng không Quốc tế L của Ủy ban Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam xã B ngày 17/11/2020. Tổng 04 phiếu lấy ý kiến của người dân đều xác định Công trình xây dựng trên đất của hộ ông D được tạo lập năm 2020, Chủ sử dụng đất sử dụng ổn định, không lấn chiếm, không tranh chấp với các chủ sử dụng liền kề tại thời điểm xác nhận hồ sơ bồi thường. Nội dung xác nhận của UBND xã B đã được Phòng Quản lý đô thị thẩm tra xác định phần vật kiến trúc là 142,45m² mái hiên được xây dựng, tạo lập vào năm 2020, không phải năm 1999 như ông D trình bày.

Căn cứ khoản 2 Điều 8 Khung chính sách về bồi thường, hỗ trợ tái định cư Dự án Cảng hàng không Quốc tế L quy định: “*Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt xây dựng trên đất xây dựng sau ngày 25/6/2015 thì không được bồi thường*”. Do vậy, UBND huyện L xác định phần tài sản là mái hiên trên đất của hộ ông Đình Văn D không đủ điều kiện bồi thường đúng quy định.

** Về thẩm tra và xác định lại số nhân khẩu đủ điều kiện được hỗ trợ ổn định đời sống 36 tháng do thu hồi đất nông nghiệp trên 70% phải di chuyển chỗ ở đối với hộ gia đình ông D:*

Ông D cho rằng hộ gia đình của ông D gồm 09 nhân khẩu, nhưng tại mục V.1 Bảng tính toán giá trị bồi thường năm 2023 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất trực thuộc UBND huyện L xác định số lượng nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống 36 tháng do thu hồi đất nông nghiệp trên 70% phải di chuyển chỗ ở chỉ có 6 nhân khẩu, còn lại 03 nhân khẩu gồm ông Đinh Xuân D1, ông Đinh Văn D3 và bà Trương Thị Thu H1 không được hỗ trợ.

Thấy rằng qua kiểm tra, xác minh thì ông Đinh Xuân D1 đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn tại Công ty TNHH F; ông Đinh Văn D3 không đóng bảo hiểm xã hội và bà Trương Thị Thu H1 (là con dâu) không có quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống với ông D.

Đối chiếu với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2024, khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 thì trường hợp ông Đinh Văn D3 đủ điều kiện, còn bà Trương Thị Thu H1 và ông Đinh Xuân D1 không đủ điều kiện được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất 36 tháng do thu hồi đất nông nghiệp trên 70% phải di chuyển chỗ ở.

Do đó, Quyết định số 2575/QĐ-UBND về phân hỗ trợ hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất với 36 tháng do thu hồi đất nông nghiệp trên 70% phải di chuyển chỗ ở không có hỗ trợ cho ông Đinh Xuân D5 là chưa đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 9706/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện L (sau đây viết tắt là Quyết định số 9706) về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Đinh Văn D:

[2.2.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định:

Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định 9706 về giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Đinh Văn D là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 18, Điều 27, Điều 29, Điều 30 Luật Khiếu nại; Các Điều 5, 7, 10, 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

[2.2.2] Về nội dung của quyết định:

Quyết định 2575 về bồi thường đất và công trình trên đất đối với hộ ông D là đúng quy định của pháp luật nên Quyết định 9706 có nội dung bác khiếu nại của ông D đối với các vấn đề về vị trí đất và bồi thường là phù hợp.

Riêng về hỗ trợ hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất 36 tháng do thu hồi đất nông nghiệp trên 70% phải di chuyển chỗ ở thì sót trường hợp của ông Đinh Xuân D5 không được hỗ trợ nên Quyết định 9706 đã chấp nhận một phần khiếu nại của

ông D; cụ thể bổ sung thêm ông Đinh Xuân D5, còn bà Trương Thị Thu H1, ông Đinh Xuân D1 không đủ điều kiện được hỗ trợ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Như vậy, thiếu sót về phần hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất của Quyết định 2575 đã được Chủ tịch UBND huyện L giải quyết tại Quyết định 9706 nên ông D khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 2575 và Quyết định 9706 là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Tại cấp phúc thẩm, ông Hồ Sỹ T mời ông L là người làm chứng, cung cấp vi bằng và các tài liệu, chứng cứ do người khởi kiện tự thuê các doanh nghiệp đo vẽ ...để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Xét thấy:

Ông L là người đang khởi kiện vụ án hành chính khác (như trường hợp của ông Đinh Văn D) đối với Dự án Cảng hàng không Quốc tế L nên lời trình bày của ông L có cùng quyền và lợi ích với ông D là không khách quan nên không có cơ sở chấp nhận.

Đối với tài liệu, chứng cứ khác bên người khởi kiện cung cấp: Bản đồ đo đạc (trích đo, trích lục thửa đất) do công ty Đ tư nhân hoặc đơn vị có tư cách pháp nhân đo vẽ lập ra, chỉ là tài liệu kỹ thuật để xác định diện tích, ranh giới, kích thước thửa đất. Để làm căn cứ giải quyết vụ án thì bản đồ, trích đo đó phải được Văn phòng Đăng ký đất đai (hoặc Chi nhánh Văn phòng Đ) thẩm tra, xác nhận theo quy định tại Điều 70 và Điều 77 Nghị định 43/2014/NĐ-CP (hướng dẫn Luật Đất đai 2013) mới có giá trị pháp lý. Đồng thời, theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 9 của Nghị định 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định trách nhiệm thực hiện việc đo đạc lập bản đồ địa chính: “*Kiểm tra, ký duyệt mảnh trích đo bản đồ địa chính phục vụ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện*”. Do đó, đối với các tài liệu, chứng cứ do bên người khởi kiện cung cấp không đảm bảo giá trị chứng cứ theo quy định tại Chương VI của Luật Tổ tụng hành chính về chứng minh và chứng cứ.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D là phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Văn Du, ông Đinh Văn Diệp, bà Nguyễn Thị Khắc C, bà Trương Thị Thu H1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đinh Văn D, bà Nguyễn Thị Khắc C, ông Đinh Văn D3 và bà Trương Thị Thu H1, mỗi người phải nộp 300.000 đồng.

[6] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Các Điều 54, 62, 63, khoản 2 Điều 66, khoản 1 Điều 67, điểm a khoản 1 Điều 76, khoản 2 Điều 105, 106 Luật Đất đai 2013; Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ; Điều 19, 20, 21 Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ; tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đ; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Văn D, bà Nguyễn Thị Khắc C, ông Đinh Văn D3 và bà Trương Thị Thu H1; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2025/HC-ST ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn D về việc yêu cầu hủy các Quyết định hành chính gồm:

- Quyết định số 2575/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND huyện L về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Đinh Văn D để thực hiện dự án Cảng hàng không Quốc tế L (lần 31).

- Quyết định số 9706/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại của ông Đinh Văn D (lần đầu).

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đinh Văn D, bà Nguyễn Thị Khắc C, ông Đinh Văn D3 và bà Trương Thị Thu H1, mỗi người phải nộp 300.000 đồng; được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu số 0028442, 0028443, 0028444, 0028445 cùng ngày 30/7/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

4. Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự (12);
- Lưu VT (5), HS (2) 24B (BA- 09).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

